TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 453/2018/DS-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Toà án nhân dân quận Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 31/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2018/QĐXXST–DS ngày 17 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 258/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: 89 đường A, phường B, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy Hoàng – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 12482/2018/UQ-VPB ngày 05/3/2018). (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970.

Địa chỉ thường trú: 42/2 tổ 2, ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: 845 đường A, tổ 2, khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản khác, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A ủy quyền ông Trần Duy Hoàng đại diện trình bày:

Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn L thực hiện ký 02 hợp đồng như sau:

1. Ngày 16/01/2015, ông Nguyễn Văn L ký giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-836677 với Ngân hàng TMCP A, nội dung thỏa thuận như sau:

Số tiền vay: 20.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; lãi suất cho vay: 31,08%/năm.

Quá trình sử dụng thẻ, ông L quá hạn thanh toán từ ngày 09/5/2015. Tính đến ngày 28/9/2018, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 16.474.082 đồng, nợ lãi là 26.411.413 đồng.

2. Ngày 22/01/2015, ông Nguyễn Văn L ký đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2646739 với Ngân hàng TMCP A, nội dung thỏa thuận như sau:

Số tiền vay: 38.000.000 đồng; mục đích vay: tiêu dùng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất: 30%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L chỉ thanh toán tiền gốc là 1.278.356 đồng, tiền lãi là 4.230.153 đồng; ông L quá hạn thanh toán từ ngày 17/5/2015. Tính đến ngày 28/9/2018, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 36.721.644 đồng, nợ lãi là 55.864.545 đồng.

Nay, Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông L thanh toán toàn bộ nợ vay của 02 hợp đồng trên cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 28/9/2018 là 135.471.684 đồng và và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử đến khi thanh toán dứt nợ. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông L có trách nhiệm trả nợ, không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với vợ ông L (nếu có).

Bị đơn ông Nguyễn Văn L: đã vắng mặt trong suốt quá trình Toà án nhân dân quận Thủ Đức tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đến khi xét xử mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát quận Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Thủ Đức nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn ông Nguyễn Văn L cư trú tại quận Thủ Đức nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn L đến Toà để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên toà được mở lần thứ 02 nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn L.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về nội dung:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 28/9/2018 của 02 hợp đồng tín dụng số 325-P-836677 ngày 16/01/2015 và số 2646739 ngày 22/01/2015 là 135.471.684 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-836677 ngày 16/01/2015 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2646739 ngày 22/01/2015; căn cứ vào lời khai của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn L ký hợp đồng với Ngân hàng vào ngày 16/01/2015 để sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức vay 20.000.000 đồng, mục đích để tiêu dùng, lãi suất 31,08%/năm. Sau đó vào ngày 22/01/2015, ông L tiếp tục ký hợp đồng để vay 38.000.000 đồng, mục đích vay: tiêu dùng, thời hạn vay: 48 tháng, lãi suất cho vay: 30%/năm.

Các bên ký hợp đồng vào các ngày 16/01/2015 và 22/01/2015, thời hạn vay là 48 tháng. Xét thấy thỏa thuận của các bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành vào ngày

01/01/2017) do đó căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với hợp đồng thẻ tín dụng 325-P-836677 ngày 16/01/2015, tính đến ngày 28/9/2018, ông L còn nợ tiền gốc là 16.474.082 đồng, nợ tiền lãi là 26.411.413 đồng; đối với hợp đồng tín dụng số 2646739 ngày 22/01/2015, tính đến ngày 28/9/2018, ông L còn nợ tiền gốc là 36.721.644 đồng, nợ tiền lãi là 55.864.545 đồng.

Trong hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận thời hạn thanh toán nợ gốc và lãi, thỏa thuận lãi suất theo biểu lãi suất thẻ tín dụng của Ngân hàng, bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ. Việc vi phạm của bị đơn trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Xem xét yêu cầu trả tiền nợ gốc, tiền lãi của Ngân hàng là phù hợp thỏa thuận được quy định trong hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005.

Trong khi đó, bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ đến khi xét xử, mặc dù Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Bị đơn không có ý kiến phản hồi về vụ án và tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A, buộc ông Nguyễn Văn L phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/9/2018 của 02 hợp đồng tín dụng ngày 16/01/2015 và 22/01/2015 là 135.471.684 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quy định trong 02 hợp đồng tín dụng sau ngày xét xử đến khi thanh toán dứt nợ. Thanh toán sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí trên số tiền 135.471.684 đồng phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Văn L có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A tổng cộng số tiền tính đến ngày 28/9/2018 là 135.471.684 (Một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi mốt ngàn sáu trăm tám mươi bốn) đồng; trong đó: nợ gốc của Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-836677 ngày 16/01/2015 là 16.474.082 (Mười sáu triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm tám mươi hai) đồng, nợ lãi là 26.411.413 (Hai mươi sáu triệu bốn trăm mười một ngàn bốn trăm mười ba) đồng; nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 2646739 ngày 22/01/2015 là 36.721.644 (Ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi mốt ngàn sáu trăm bốn mươi bốn) đồng, nợ lãi là 55.864.545 (Năm mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi lăm) đồng. Thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm , khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L phải chịu là 6.773.584 (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm tám mươi bốn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.668.693 (Hai triệu sáu trăm sáu mươi tám ngàn sáu trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu số 38144 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP A, ông Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Thủ Đức;
- THA DS Q. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nga